

Bản án số: 66/2026/HS-ST

Ngày: 29/4/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Sỹ

Ông Mai Văn Chát

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 4 – Ninh Bình tham gia phiên tòa: ông Trần Đăng Chuẩn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 62/2026/TLST-HS ngày 14 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2026/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2026, đối với bị cáo:

Lê Văn L, tên gọi khác: không có, sinh năm: 1994; tại tỉnh Ninh Bình; CCCD số: 0370940006xx; nơi cư trú: tổ dân phố P, phường Đ, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: công giáo; con ông: Lê Duy T và bà Nguyễn Thị N; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không.

Lịch sử bản thân:

- Bản án số 09/HSST ngày 29/03/2012, Tòa án nhân dân huyện Y (cũ), tỉnh Ninh Bình xử phạt 18 tháng tù giam tội "Trộm cắp tài sản"

- Bản án số 16/HSST ngày 14/06/2012, Tòa án nhân dân huyện Y (cũ), tỉnh Ninh Bình xử phạt 06 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản". Tổng hợp với hình phạt 18 tháng tù của Bản án số 09/HSST ngày 29/03/2012. Buộc L phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 24 tháng tù giam.

- Bản án số 22/HSST ngày 15/07/2014, Tòa án nhân dân huyện Y (cũ), tỉnh Ninh Bình xử phạt 15 tháng tù giam tội "Trộm cắp tài sản". Chấp hành xong ngày 17/09/2015.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/12/2025 đến ngày 08/01/2026 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh N. Có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1994, địa chỉ: tổ dân phố P, phường Đ, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt

- Người làm chứng: ông Lê Duy T. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn L là người sử dụng ma túy loại Methamphetamine. Ngày 27/12/2025, L bắt xe ô tô khách từ tỉnh Đồng Nai để về nhà, khi đi qua QL1A đoạn thuộc địa phận thành phố Đà Nẵng, xe ô tô dừng nghỉ cho khách đi vệ sinh. Quá trình xe dừng nghỉ, L có gặp và mua của 01 người đàn ông không quen biết 300.000 đồng được 01 túi zip bên trong có chứa ma túy đá (Methamphetamine). Sau đó, L cất giấu túi ma túy đá vào trong túi quần mục đích sử dụng cho bản thân rồi lên xe khách đi về nhà tại tổ dân phố P, phường Đ, tỉnh Ninh Bình. Về nhà, L vẫn cất túi ma túy trong túi quần. Khoảng 05 giờ ngày 30/12/2025, khi đang ở trong phòng ngủ của mình, L lấy túi ma túy bỏ 01 phần ma túy đá vào bộ "coóng" do L tự chế từ dụng cụ có sẵn ở nhà L từ trước, dùng bật lửa hơi nóng "coóng" để sử dụng. Sau khi hút được 01 "hơi" ma túy đá, L để bộ dụng cụ bên trong vẫn còn ma túy đá ở trong "coóng" sang một bên giường và nằm ở giường ngủ tiếp. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn H, sinh năm 1994, cùng trú tại tổ dân phố P, phường Đ, tỉnh Ninh Bình là bạn của L đến nhà L chơi. H vào trong phòng ngủ của L, thấy L đang ngủ ở giường, bên cạnh có bộ dụng cụ sử dụng ma túy, bên trong "coóng" vẫn còn ma túy đá bám dính. Không nói gì với L, H tự lấy bật lửa ở trên giường hơi nóng "coóng" hút 01 "hơi" ma túy đá. Sau khi sử dụng ma túy xong, H để bộ dụng cụ và bật lửa lại vị trí cũ rồi ngồi tại phòng L xem điện thoại. Đến khoảng 8 giờ 30 phút thì L ngủ dậy, H ngồi nói chuyện với L nhưng không nói gì đến việc vừa sử dụng ma túy. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, H nhìn thấy bộ đồ của L về nên H đi về, còn L, cầm bộ dụng cụ sử dụng ma túy cất vào ngăn tủ quần áo, túi ma túy đá L vẫn để trên giường ngủ của mình.

Hồi 10 giờ 30 phút ngày 30/12/2025, tổ công tác của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh N phối hợp với Công an phường Đ đến nhà Lê Văn L làm việc. Lúc này, L đang nằm trên giường tại gian phòng ngủ phía Đông Bắc tầng 01, sự lực lượng Công an phát hiện ra việc L đang cất giấu túi ma túy nên L cầm túi ma túy đá chưa sử dụng hết đang để trên giường ngủ bỏ vào miệng nuốt vào dạ dày nhưng bị tổ công tác phát hiện. Sau đó, L tự lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy cất trong tủ quần áo giao nộp cho tổ công tác. Tại chỗ Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản ghi nhận nội dung sự việc và thu giữ:

- 01 Bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm: 01 chai nhựa có vỏ nilon bên ngoài màu vàng trắng, nhãn hiệu 247 wake.up, thể tích 330ml, có chiều cao 21cm, có đường kính lớn nhất 05cm, có đường kính nhỏ nhất 03cm. Chai có nắp nhựa màu vàng, kích thước (3x1)cm, nắp chai được đục 02 lỗ tròn có đường kính tương đối giống nhau là 0,8cm. Trong đó 01 lỗ trên nắp chai có 01 đoạn ống nhựa màu vàng nối với ống hút nhựa màu tím, có tổng chiều dài 35cm, đường kính là 0,5cm; 01 lỗ trên nắp nhựa còn lại được gắn 01 đoạn ống thủy tinh trong suốt, một đầu có dạng hình cầu chỗ rộng nhất có đường kính 1,5 cm, miệng hình cầu có đường kính 0,5 cm, bên trong khối hình cầu chứa chất tinh thể màu trắng đục, thân ống thủy tinh hình trụ tròn rỗng đường kính 0,5 cm, đầu ống thủy tinh phần gần với nắp chai có nối thêm một đoạn ống nhựa màu tím dài 7,5 cm, đường kính 0,5 cm. Bộ dụng cụ ma túy nêu

trên được cho vào 01 túi bì giấy màu vàng mã số: PS2 2110419 dán kín niêm phong "Ký hiệu M1";

- 01 bật lửa nhựa màu trắng.

Cùng ngày, cơ quan CSĐT Công an tỉnh N đưa Lê Văn L đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh N tiến hành gấp trong dạ dày của Lê Văn L 01 túi nilon trong suốt có khóa zip màu trắng, kích thước (2x2,5)cm, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng. Túi nilon này được cho vào 01 phong bì thư dán kín niêm phong "Ký hiệu M2"; Cơ quan CSĐT tiến hành thu mẫu nước tiểu của Lê Văn L và Nguyễn Văn H

Tiến hành mở niêm phong cân xác định khối lượng các mẫu thu giữ của Lê Văn L, kết quả như sau:

+ Đối với mẫu M1: Chất tinh thể màu trắng đục trong đoạn ống thủy tinh trong suốt (cái "Coóng") có khối lượng 0,2019 gam được cho vào 01 túi nilon "Ký hiệu M3"

+ Đối với mẫu M2: Chất tinh thể màu trắng trong túi nilon trong suốt có khóa zip màu trắng, kích thước (2x2.5)cm (được gấp từ trong bụng Lê Văn L ra) có tổng khối lượng: 0,2083 gam được cho vào 01 túi nilon "Ký hiệu M4".

Gửi mẫu M3, M4 cùng mẫu nước tiểu của L và H gửi giám định.

Tại Bản kết luận giám định số 423/KL-KTHS ngày 06/01/2026 của phòng K1, Công an tỉnh N, kết luận: "Mẫu gửi giám định ký hiệu M3 có khối lượng 0,2019 gam, ký hiệu M4 có khối lượng 0,2083 gam, đều là ma túy, loại Methamphetamine. Methamphetamine là chất ma túy có số thứ tự 247, thuộc bản Danh mục IIC; Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ. Tại Bản kết luận giám định số 424/KL-KTHS ngày 06/01/2026 của phòng K1, Công an tỉnh N, kết luận về đối tượng giám định: "Tìm thấy Methamphetamine trong các mẫu nước tiểu thu của Lê Văn L và Nguyễn Văn H".

Về xử lý vật chứng, tài sản đã thu giữ:

Đối với phong bì niêm phong ghi "Mẫu vật hoàn trả sau giám định" có ghi số: 423/KL-KTHS. Trên giáp lai của phong bì có chữ ký của bên giao, bên nhận và đóng dấu của Phòng K1, Công an tỉnh N đựng mẫu vật hoàn trả sau giám định gồm: M3 = 0,1445 gam; M4 = 0,1375 gam đều là ma túy loại Methamphetamine và T1 niêm phong có mã số PS1 23010175 đựng toàn bộ vỏ bao gói niêm phong mẫu M1, M2 thu giữ ban đầu của Lê Văn L cùng chai nhựa, ống hút nhựa, bật lửa nhựa, ống thủy tinh thu giữ ban đầu của Lê Văn L được chuyển đến Phòng thi hành án dân sự Khu vực 4, tỉnh Ninh Bình để giải quyết cùng vụ án.

Quá trình điều tra, Lê Văn L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân. Tại bản cáo trạng số 32/CT-VKS ngày 13 tháng 4 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình đã truy tố bị cáo Lê Văn Luân về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1, 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự sửa đổi bổ sung năm 2025

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Lê Văn L phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự được sửa đổi bổ sung năm 2025.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Xử phạt bị cáo Lê Văn L từ 39 tháng đến 45 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 30/12/2025.

- Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong ghi "Mẫu vật hoàn trả sau giám định" có ghi số: 423/KL-KTHS. Trên giáp lai của phong bì có chữ ký của bên giao, bên nhận và đóng dấu của Phòng K1, Công an tỉnh N đựng mẫu vật hoàn trả sau giám định gồm: M3 = 0,1445 gam; M4 = 0,1375 gam đều là ma túy loại Methamphetamin và T1 niêm phong có mã số PS1 23010175 đựng toàn bộ vỏ bao gói niêm phong mẫu M1, M2 thu giữ ban đầu của Lê Văn L

Tịch thu tiêu hủy 01 chai nhựa, ống hút nhựa, bật lửa nhựa màu trắng, ống thủy tinh thu giữ ban đầu của Lê Văn L

- Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình với diễn biến sự việc đúng như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo khẳng định bản thân bị truy tố về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" là đúng người, đúng tội, đồng ý với luận tội của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án. Nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của người chứng kiến. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng Biên bản mở niêm phong cân xác định khối lượng và niêm phong vật chứng (BL54-55), Kết luận giám định số 423/KL-KTHS ngày 06/01/2026 và Kết luận giám định số 424/KL-KTHS ngày 06/01/2026 của Phòng K1 Công an tỉnh N (BL61-62) và các tang vật, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đầy đủ cơ sở kết luận: vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 30/12/2025, tại tổ dân phố P, phường Đ, tỉnh Ninh Bình, bị cáo Lê Văn L có hành vi tàng trữ 0,4102 gam ma túy loại Methamphetamine để sử dụng thì bị Cơ quan Công an phát hiện.

[2] Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi tàng trữ 0,4102 gam ma túy loại Methamphetamine trong người để sử dụng cho bản thân như đã nêu trên là trái phép và cố ý. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy. Trực tiếp là

hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương, là nguyên nhân làm phát sinh tội phạm và tệ nạn xã hội.

Theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi bổ sung năm 2025):

“Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 05 năm:

.....

c) Heroine, C, M, A, Ketamine, F, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

.....”

Như vậy, hành vi của bị cáo Lê Văn L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi bổ sung năm 2025). Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điều luật đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, không bị oan sai.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ông nội bị cáo được tặng Huân chương lao động hạng Ba, có 02 bác ruột là Lê Văn K (anh trai của bố) và Nguyễn Đức T2 (anh trai của mẹ) đều là liệt sỹ. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cần được áp dụng cho bị cáo.

Về nhân thân: bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình 03 lần xử phạt hình phạt tù về tội “trộm cắp tài sản”.

[4] Về hình phạt: xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, khối lượng chất ma túy bị cáo tàng trữ, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo cần phải có hình phạt thích đáng đối với bị cáo, buộc bị cáo phải chịu hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, có như vậy mới có tác dụng giáo dục và cải tạo bị cáo trở thành công dân sống có ích cho gia đình và cho xã hội, đồng thời đảm bảo tác dụng răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: bị cáo phạm tội để phục vụ cho nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân, không có mục đích kiếm lời nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Quá trình điều tra xác định: Sáng ngày 30/12/2025, sau khi sử dụng ma túy xong L có để bộ dụng cụ sử dụng ma túy (trong cóng vẫn còn ma túy chưa sử

dụng hết) ở trên giường rồi đi ngủ thì có Nguyễn Văn H, sinh năm 1994, cùng trú cùng tổ dân phố Phú C1 đến và vào phòng ngủ của L chơi. Thấy có ma túy H tự lấy bột lửa hơ coóng để tự sử dụng. Việc H tự lấy coóng đốt và sử dụng ma túy L không biết, L cũng không cho, không gọi hay bàn bạc để H được sử dụng trái phép chất ma túy của L tại phòng ngủ của gia đình L. Do đó, L không phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy hoặc tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy. Đối với Nguyễn Văn H có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy bản thân H không thuộc diện đối tượng ma túy đang được quản lý tại địa bàn theo Luật Phòng, chống ma túy 2021. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra chuyển tài liệu có liên quan đến Công an phường Đ để Công an phường ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với H về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm a khoản 1 điều 30 Nghị định 282/2025/NĐ-CP ngày 30/10/2025 của Chính phủ là đúng quy định

[7] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Đối với 01 phong bì niêm phong ghi "Mẫu vật hoàn trả sau giám định" có ghi số: 423/KL-KTHS. Trên giáp lai của phong bì có chữ ký của bên giao, bên nhận và đóng dấu của Phòng K1, Công an tỉnh N đựng mẫu vật hoàn trả sau giám định gồm: M3 = 0,1445 gam; M4 = 0,1375 gam đều là ma túy loại Methamphetamin và T1 niêm phong có mã số PS1 23010175 đựng toàn bộ vỏ bao gói niêm phong mẫu M1, M2 thu giữ ban đầu của Lê Văn L là các vật cấm lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy

Đối với 01 chai nhựa, ống hút nhựa, bột lửa nhựa màu trắng, ống thủy tinh thu giữ ban đầu của Lê Văn L là các vật không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy

[8] Về nguồn gốc ma túy: bị cáo khai nhận mua của người đàn ông không quen biết tại trạm dừng nghỉ thuộc địa phận thành phố Đà Nẵng. Bị cáo không biết tên, tuổi, địa chỉ, không nhớ đặc điểm nhận dạng nên không có cơ sở để điều tra, xử lý.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[11] Bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi bổ sung năm 2025);

Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố: bị cáo Lê Văn L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Lê Văn L 39 (ba mươi chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 30/12/2025.

2. Xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 phong bì niêm phong ghi "Mẫu vật hoàn trả sau giám định" có ghi số: 423/KL-KTHS. Trên giáp lai của phong bì có chữ ký của bên giao, bên nhận và đóng dấu của Phòng K1, Công an tỉnh N đựng mẫu vật hoàn trả sau giám định gồm: M3 = 0,1445 gam; M4 = 0,1375 gam đều là ma túy loại Methamphetamin và T1 niêm phong có mã số PS1 23010175 đựng toàn bộ vỏ bao gói niêm phong mẫu M1, M2 thu giữ ban đầu của Lê Văn L

+ 01 chai nhựa, ống hút nhựa, bật lửa nhựa màu trắng, ống thủy tinh thu giữ ban đầu của Lê Văn L

(Chi tiết vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 14/4/2026 giữa cơ quan CSĐT Công an tỉnh N và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Ninh Bình)

3. Về án phí: bị cáo Lê Văn L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 29/4/2026. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 4 – Ninh Bình;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Ninh Bình;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Ninh Bình;
- Phòng THADS khu vực 4 – Ninh Bình;
- Bị cáo;
- Lưu: HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Bích Hồng